

Số: 306 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế
khỏi huyện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ
năm 2022 (đợt 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của UBND các huyện: Sơn Tây tại Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 19/01/2022; Trà Bồng tại Tờ trình số 14/TTr- UBND ngày 21/01/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 628/STC-NS ngày 08/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế của các huyện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2022 (đợt 1) với tổng kinh phí là: 747,040 triệu đồng từ nguồn cải cách tiền lương của huyện năm 2022.

(Chi tiết như phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cải cách tiền lương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. UBND các huyện: Sơn Tây và Trà Bồng chịu trách nhiệm:

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương của huyện để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổng hợp kinh phí chi trả vào nhu cầu cải cách tiền lương của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Tây và Trà Bồng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.NC, CBTH;
- Lưu: VT,P.KTTH116.




CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Quyết định số 306 /QĐ-UBND ngày 10 /3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Huyện, thị xã	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí c (1.000 đồng)	
		Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5
	TỔNG CỘNG	747.040	747.040	0	747.040	0
1	Sơn Tây	227.491	227.491	0	227.491	0
2	Trà Bồng	519.549	519.549	0	519.549	0

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20/11/2014 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 306 /QĐ-UBND ngày 10 /3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
										Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15
TỔNG CỘNG										747.040	747.040	0	747.040	0	747.040
I	Huyện Sơn Tây									227.491	227.491	0	227.491	0	227.491
*	Nghỉ hưu trước tuổi														
	Văn phòng huyện														
1	Trương Văn Do	12/12/1964	Đại học	Phó BT TT Huyện Ủy, Chủ tịch HĐND huyện	34 năm 10 tháng	11.145	9.680	56 tuổi 7 tháng	01/7/2021	3 năm 8 tháng	227.491	227.491	227.491		227.491
II	Huyện Trà Bồng									519.549	519.549	0	519.549	0	519.549
1	Văn phòng huyện (Trung tâm GDNN-GDTX)														
1	Võ Văn Vận	20/10/1963	Đại học	Giám đốc	35 năm 04 tháng	11.298	10.206	58 tuổi 01 tháng	01/12/2021	2 năm 2 tháng	201.575	201.575	201.575		201.575
2	Trình Công Đường	13/9/1963	Đại học	Phó Giám đốc	35 năm 02 tháng	7.867	7.023	58 tuổi 02 tháng	01/12/2021	2 năm 1 tháng	136.954	136.954	136.954		136.954
2	Trường Tiểu học Trà Xuân														
1	Phạm Thị Thủy	29/12/1968	Cao đẳng	Giáo viên	35 năm 04 tháng	9.690	8.723	53 tuổi	01/01/2022	2 năm 8 tháng	181.020	181.020	181.020		181.020